

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TỈNH ĐIỆN BIÊN
TRƯỜNG THPT PHAN ĐÌNH GIÓT



TÀI LIỆU GIÁO DỤC SỨC KHỎE SINH SẢN
VỊ THÀNH NIÊN CHO HỌC SINH TRUNG HỌC PHỔ THÔNG

Tác giả: 1. Phạm Văn Cường - Hiệu trưởng.
2. Lê Thị Thu Hà - Phó Hiệu trưởng.
3. Nguyễn Thị Nhung - Bí thư Đoàn thanh niên.

Đơn vị công tác: Trường THPT Phan Đình Giót

Điện Biên, tháng 4 năm 2016

DANH MỤC CHỦ THÍCH CHỮ VIẾT TẮT.

Stt	Nội dung	Chữ viết tắt
1	Sức khỏe sinh sản.	SKSS
2	Vị thành niên.	VTN
3	Trung học phổ thông.	THPT
4	Học sinh.	HS
5	Giáo viên.	GV
6	Kế hoạch hóa gia đình.	KHHGD
7	Virus suy giảm miễn dịch ở người (Human Immunodeficiency Virus).	HIV
8	Hội chứng suy giảm miễn dịch mắc phải (Acquired ImmunoDeficiency Syndrome).	AIDS
9	Tình dục.	TD
10	Lây truyền qua đường tình dục.	LTQĐTD

PHỤ LỤC

1. Phụ lục 1: Bộ câu hỏi tìm hiểu kiến thức, thái độ và thực hành về quan hệ tình dục và sức khỏe sinh sản ở học sinh THPT.

2. Phụ lục 2: Nội dung 11 module trong bộ tài liệu giáo dục sức khỏe sinh sản vị thành niên cho học sinh THPT.

NỘI DUNG GIẢI PHÁP

A. Mục đích, sự cần thiết của việc thực hiện xây dựng nội dung bộ tài liệu “Giáo dục sức khỏe sinh sản vị thành niên cho học sinh THPT”.

Điện Biên là một tỉnh miền núi phía Tây Bắc của Việt Nam với dân số ước tính (năm 2011) là 510.778 người; và hiện trạng dân số trung bình của tỉnh Điện Biên năm 2014 ước tính là 538.069 người (theo Niên giám thống kê năm 2014) gồm 19 dân tộc khác nhau, trong đó dân tộc Thái chiếm 37,99%, H'mông chiếm 34,8%, Kinh 18,4%, còn lại là các dân tộc thiểu số khác. Với đặc điểm là tỉnh biên giới, Điện Biên tiếp giáp với Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào 360 km, tiếp giáp với Cộng hòa nhân dân Trung Hoa 40,9 km.

Đến tháng 6/2015, theo báo cáo của Trung tâm phòng chống HIV/AIDS, tỉnh Điện Biên có số tích lũy nhiễm HIV là 7.537 trường hợp. Số tích lũy bệnh nhân AIDS là 4.936 người, còn sống 1.846 người và tích lũy tử vong 3.090 người. Đáng chú ý hơn, tỷ lệ lây truyền HIV qua đường tình dục tăng qua hàng năm. Năm 2013, tỷ lệ lây truyền HIV qua đường tình dục là 37,84%, tăng 7,89% so với năm 2012 (29,95%). Sang năm 2014, con số này tiếp tục tăng lên 49,39%. Phần lớn số nhiễm HIV là nam giới (69,91%). Nhưng đáng lưu ý là con số này lại đang tăng lên ở nữ giới. Trong năm 2013, tỷ lệ nhiễm HIV ở nữ tăng 4,27%. Những số liệu này cho thấy, tình hình dịch HIV tại Điện Biên còn diễn biến phức tạp, tiềm ẩn nhiều nguy cơ lan rộng sang hình thức lây nhiễm qua đường tình dục ở nhóm tuổi trẻ, đặc biệt ở nhóm thanh niên thiếu kiến thức.

Qua khảo sát thực trạng về kiến thức, thái độ và hành vi của học sinh đối với SKSS vào tháng 10 năm 2015 của Ủy ban Y tế Việt Nam - Hà Lan tại trường THPT Phan Đình Giót và trường THPT huyện Mường Chà, tỉnh Điện Biên, đánh giá chung nhất đó là: đa số học sinh thiếu hiểu biết, hạn chế về cả kiến thức lẫn kỹ năng SKSS. Trước thực trạng này, việc giáo dục về SKSS cho học sinh tại các trường THPT cần phải được triển khai rộng rãi.

Như vậy việc triển khai được mô hình sinh hoạt ngoại khóa, loại hình câu lạc bộ sẽ giúp các em nâng cao được hiểu biết và nhận thức đầy đủ, đúng đắn của VTN về chăm sóc SKSS, có cơ hội được tiếp cận nhiều hơn với các thông tin, kiến thức về dân số, giới tính, SKSS và dịch vụ SKSS, tư vấn tiền hôn nhân, các kỹ năng cần thiết để chăm sóc SKSS, hạn chế các trường hợp mang thai ngoài ý muốn, phá thai không an toàn, các bệnh lây truyền qua đường tình dục và HIV/AIDS thông qua các hình thức và cách tiếp cận mới. Trong đó có 2 kênh tuyên truyền:

- Một là: tham gia Câu lạc bộ về chăm sóc SKSS, các em có cơ hội tiếp cận nhiều hơn các thông tin, kiến thức về chăm sóc SKSS, giới tính, dịch vụ SKSS, giúp nâng cao hiểu biết và thực hành chăm sóc SKSS theo khoa học trong thực tế cuộc sống nhằm nâng cao kỹ năng sống cho học sinh.

- Hai là: tích hợp các nội dung trong chủ đề SKSS vào các giờ học, giờ sinh hoạt lớp, các buổi sinh hoạt dưới cờ hay các chương trình ngoại khóa.

Bộ tài liệu mà chúng tôi viết ra là nguồn tài liệu để các nhà trường sử dụng phục vụ cho cả hai cách tiếp cận trên. Bằng các phương pháp truyền tải nội dung kiến

thức giáo viên không phải mất nhiều công sức để xây dựng một giáo án lên lớp trong các giờ dạy hay các một kịch bản trong các chương trình lớn.

Giáo dục SKSS cho VTN là trách nhiệm không hoàn toàn thuộc về phía nhà trường mà còn là trách nhiệm của cả gia đình và toàn xã hội. Với mô hình giáo dục SKSS cho VTN trong các trường THPT theo các biện pháp mà trường THPT Phan Đình Giót đang thực hiện chắc chắn sẽ có nhiều chuyển biến về nhận thức trong việc giáo dục giới tính, đặc biệt cho VTN hiện nay.

B. Phạm vi triển khai thực hiện.

Tài liệu “Giáo dục sức khỏe sinh sản vị thành niên cho học sinh THPT” gồm 11 module là các chủ đề rất quan trọng đối với học sinh THPT, được nhóm tác giả lựa chọn công phu và biên soạn thành tập tài liệu dùng chung cho học sinh THPT, đặc biệt là với học sinh THPT miền núi.

C. Nội dung.

I. Tình trạng giải pháp đã biết.

Những năm trước đây việc quan tâm giáo dục về sức khỏe sinh sản (SKSS) cho học sinh tại các trường trung học phổ thông (THPT) vẫn còn ở mức hạn chế. Kiến thức và kỹ năng cơ bản về chăm sóc SKSS hầu như ít được nói đến.

Từ năm 2010 đến nay, Trung tâm Dân số - KHHGĐ Thành phố Điện Biên Phủ đã phối hợp với nhà trường triển khai mô hình sinh hoạt ngoại khóa về giáo dục SKSS cho vị thành niên (VTN) vào đầu mỗi năm học. Tuy nhiên việc truyền thông còn nặng về hình thức, lý thuyết và thông tin một chiều, không có phản hồi của người thụ hưởng.

Bộ tài liệu mà nhóm tác giả biên soạn khi đưa vào giảng dạy sẽ giúp các nhà trường hình thành định hướng giá trị giáo dục SKSS cho học sinh, tăng cường và chủ động làm cầu nối liên kết với các lực lượng khác nhằm nâng cao nhận thức và thái độ của học sinh về công tác giáo dục SKSS cho VTN.

II. Nội dung giải pháp.

1. Mục đích cụ thể, chi tiết của việc xây dựng bộ tài liệu giáo dục SKSS VTN cho học sinh THPT.

Từ ngày 23/10 đến 03/11/2015 nhóm tác giả đã tiến hành khảo sát 400 học sinh ở trường THPT Phan Đình Giót và trường THPT Mường Chà trả lời các câu hỏi trắc nghiệm, phỏng vấn 4 giáo viên và 6 học sinh. **(Phụ lục 1: Bộ câu hỏi tìm hiểu kiến thức, thái độ và thực hành về quan hệ tình dục và sức khỏe sinh sản ở học sinh THPT).**

Qua khảo sát, chúng tôi nhận thấy tỉ lệ chênh lệch về giới tính giữa nam và nữ rất khác nhau: nữ 31%, nam 69%. Tỉ lệ dân tộc cũng khác nhau: dân tộc H'mông 54,7%, dân tộc Thái 21,3%, dân tộc Kinh 17% còn lại là các dân tộc khác. Kết quả khảo sát cụ thể về các nội dung như sau:

a. Kiến thức về quan hệ tình dục.

Khoảng 80% học sinh đã nghe nói về tình dục an toàn và các bệnh lây truyền qua đường tình dục, nhưng chỉ có 5% học sinh trả lời đúng về thời điểm có thể có thai trong chu kỳ kinh nguyệt.

b. Thái độ của học sinh về tình dục an toàn.

- Có 56,2% học sinh cho rằng nên có người yêu từ khi còn đang đi học. Các em cho rằng nên yêu để cùng nhau phấn đấu, cùng tâm trạng đi học, để cho mình đỡ bỏ học.

- Có 75% học sinh có quan niệm rằng người con gái nên giữ gìn trinh tiết của mình cho đến khi kết hôn và 25% nói rằng có thể quan hệ tình dục ở lứa tuổi học trò.

- Đặc biệt có tới 51% học sinh cho rằng nên tránh xa người nhiễm HIV.

c. Hành vi an toàn tình dục.

Hơn 50% học sinh đã từng ôm hôn như 2 người yêu nhau. Qua thống kê chúng tôi thấy sự phân bố tuổi lần đầu tiên ôm hôn cao nhất ở lứa tuổi 14-16, cho đến khi các em học lớp 11 mới được học về an toàn tình dục nhưng cũng chỉ là lồng ghép.

Lý do quan hệ tình dục lần đầu mà các em đưa ra là bị ảnh hưởng của các chất kích thích, bạn bè lôi kéo, bị ép buộc....

Tuổi của người quan hệ tình dục với học sinh có tỉ lệ cao ở nhóm tuổi 14 đến 17 tuổi. Tương đương với học sinh độ tuổi 14-17.

d. Tiếp cận thông tin SKSS.

SKSS vẫn được coi là vấn đề nhạy cảm nên học sinh không dễ gì chia sẻ với thầy cô và bố mẹ, đặc biệt là với nhân viên tư vấn lại càng khó khăn hơn. Trong khi đó nội dung chương trình giảng dạy trong nhà trường thì không đi sâu; HIV có trong chương trình môn Sinh học lớp 11 nhưng chỉ nói chung chung trong một bài; SKSS chỉ được lồng ghép mà kiến thức lại quá dài.

Nguồn thông tin mà các em có được chưa được xem là chính thống, khi khảo sát có 50,7% học sinh nói rằng được thầy cô giảng dạy. Nhưng vậy là những gì thầy cô cung cấp cho các em còn quá ít so với mức độ quan trọng của nó.

Theo Bộ Y tế, đại dịch HIV đang có xu hướng phát triển chậm lại nhưng lan rộng đến vùng nông thôn và vùng núi. Tỷ lệ nhiễm HIV hiện tại tập trung cao ở các tỉnh vùng Tây Bắc, trong đó có tỉnh Điện Biên.

Vấn đề chăm sóc sức khỏe sinh sản, sức khỏe tình dục của nhóm thanh thiếu niên tại Việt Nam nói chung và tỉnh Điện Biên nói riêng cũng đang là vấn đề cần quan tâm.

Theo tổ chức Y tế thế giới, Việt Nam được ghi nhận là nước có tỷ lệ nạo phá thai trong nhóm cao nhất trên thế giới với ước tính 83,3 trường hợp/1000 phụ nữ, trong đó nguyên nhân chính do nhóm tuổi trẻ ít được giáo dục về sức khỏe sinh sản. Ngoài nạo phá thai, việc thiếu kiến thức cũng dẫn đến những hệ lụy nghiêm trọng, thậm chí gây nên tử tử. Năm 2013, báo cáo của Sở Y tế Điện Biên cho biết cả tỉnh ghi nhận được 68 trường hợp tử vong trong nhóm tuổi từ 15-19 tuổi tử tử, trong đó tử vong 21 trường hợp. Các nhân viên y tế cho biết hầu hết các trường hợp tử tử do thiếu kỹ năng sống về tình yêu và hôn nhân. Khi có biến cố xảy ra với chuyện tình yêu, các em ăn lá ngón tử tử.

Với những đặc điểm nêu trên, việc triển khai một dự án can thiệp về SKSS, sức khỏe tình dục cho các em học sinh trong lứa tuổi từ 15 - 19 tại tỉnh Điện Biên là rất cần thiết.

Và qua phân tích kết quả khảo sát về kiến thức, thái độ và thực hành về quan hệ tình dục và sức khỏe sinh sản ở học sinh THPT, nhóm tác giả nhận thấy cần phải tăng cường truyền thông giáo dục SKSS cho học sinh THPT miền núi tỉnh Điện Biên, đặc biệt là học sinh nữ, nhằm dự phòng lây nhiễm HIV, các bệnh lây truyền qua đường tình dục và mang thai ngoài ý muốn ở nhóm đối tượng này thông qua 11 module.

2. Mô tả chi tiết bản chất, nội dung của bộ tài liệu giáo dục SKSS VTN cho học sinh THPT.

Tài liệu giáo dục SKSS VTN cho học sinh THPT được nhóm tác giả viết gồm 11 module tương ứng với 11 chủ đề như sau:

STT	MODULE
1	Chủ đề 1. Tổng quan về sức khỏe sinh sản vị thành niên . Module 1. Nhận thức cơ bản về SKSS VTN và SKSS lứa tuổi THPT: Nội dung, phương pháp và quy trình tổ chức hoạt động giáo dục nhận thức cơ bản về SKSS VTN và SKSS lứa tuổi THPT.
2	Chủ đề 2. Tầm quan trọng của giáo dục, chăm sóc SKSS Module 2. Những vấn đề nguy cơ về SKSS lứa tuổi THPT và tầm quan trọng của giáo dục, chăm sóc SKSS: Nội dung, phương pháp và quy trình tổ chức hoạt động giáo dục nhận biết những vấn đề nguy cơ về SKSS lứa tuổi THPT và tầm quan trọng của giáo dục, chăm sóc SKSS.
3	Chủ đề 3. Cơ thể chúng mình Module 3. Những thay đổi, phát triển về tâm sinh lý lứa tuổi VTN và tuổi THPT: Nội dung, phương pháp và quy trình tổ chức hoạt động nhằm giúp học sinh hiểu biết những thay đổi, phát triển về tâm sinh lý lứa tuổi VTN và tuổi THPT.
4	Chủ đề 4. Giới và giới tính Module 4. Nhận thức giới và khác biệt giới tính đối với lứa tuổi THPT: Nội dung, phương pháp và quy trình tổ chức hoạt động giúp học sinh có hiểu biết về giới và khác biệt giới tính.
5	Chủ đề 5. Tình bạn và tình yêu tuổi học trò Module 5. Tình bạn, tình yêu tuổi THPT: Nội dung, phương pháp và quy trình tổ chức hoạt động giáo dục về tình bạn, tình yêu lứa tuổi THPT.
6	Chủ đề 6. Ăn "trái cấm" được và mất Module 6. Cơ chế thụ thai, vấn đề mang thai ngoài ý muốn, phá thai không an toàn và việc phòng tránh mang thai ở lứa tuổi THPT: Nội dung, phương pháp và quy trình tổ chức hoạt động giúp học sinh hiểu biết về cơ chế thụ thai, vấn đề mang thai ngoài ý muốn, phá thai không an toàn và các biện pháp phòng tránh hiệu quả, an toàn.

7	Chủ đề 7. Bệnh lây truyền qua đường tình dục Module 7. Bệnh lây truyền qua đường tình dục, nguy cơ, nguyên nhân, hậu quả và các phòng tránh: Nội dung, phương pháp và quy trình tổ chức hoạt động giúp học sinh hiểu biết, có kỹ năng phòng tránh bệnh lây truyền qua đường tình dục.
8	Chủ đề 8. Tình dục lành mạnh, an toàn Module 8. Tình dục lành mạnh, an toàn và kỹ năng ra quyết định liên quan đến tình dục: Nội dung, phương pháp và quy trình tổ chức hoạt động giúp học sinh hiểu biết về tình dục lành mạnh, an toàn và kỹ năng ra quyết định liên quan đến tình dục
9	Chủ đề 9. Xâm hại và lạm dụng tình dục VTN Module 9. Xâm hại và lạm dụng tình dục VTN: Nội dung, phương pháp và quy trình tổ chức hoạt động giúp học sinh hiểu biết, kỹ năng phòng tránh, ứng phó với vấn đề xâm hại, lạm dụng tình dục.
10	Chủ đề 10. Chăm sóc cơ thể Module 10. Vệ sinh thân thể, vệ sinh cá nhân nữ và nam: Nội dung, phương pháp giáo dục, thực hành kỹ năng về vệ sinh cá nhân nữ và nam của học sinh THPT.
11	Chủ đề 11. Tảo hôn và hôn nhân cận huyết Module 11. Tảo hôn, hôn nhân cận huyết đối với học sinh THPT: Nội dung, phương pháp và quy trình tổ chức hoạt động giúp học sinh hiểu biết, phòng tránh vấn đề tảo hôn, hôn nhân cận huyết đối với học sinh THPT

Nội dung từng module (**Phụ lục 2: Nội dung 11 module trong bộ tài liệu giáo dục giáo dục SKSS VTN cho học sinh THPT**).

3. Những điểm khác biệt và tính mới của bộ tài liệu giáo dục SKSS VTN cho học sinh THPT.

a. Về phương pháp, cách thức tổ chức và phương tiện hỗ trợ.

- **Về phương pháp:** Bộ tài liệu sử dụng các phương pháp dạy học tích cực, phù hợp với nội dung các chủ đề chẳng hạn như: Kỹ thuật khăn trải bàn, sử dụng thẻ cá nhân, hình thức trắc nghiệm khách quan, thông qua các trò chơi, các hình thức sân khấu, kịch bóng mờ, đóng vai, kịch tương tác, xây dựng các clip....

- **Về cách thức tổ chức rất đa dạng:** Mỗi module được viết bao gồm 5 hình thức tổ chức:

1. Bài giảng.
2. Sinh hoạt lớp.
3. Hoạt động dưới cờ.
4. Ngoại khóa.
5. Trải nghiệm sáng tạo.

Trong mỗi cách thức tổ chức được thiết kế thành 3 đến 4 phương án cho mỗi hoạt động theo từng chủ đề.

- Về phương tiện hỗ trợ:

- + Cuốn tài liệu có thể sử dụng như là một giáo án mẫu, giáo viên có thể thực hiện theo các bước tác giả đã viết mà không cần bổ sung gì thêm.
- + Có hệ thống tranh ảnh minh họa.
- + Có hệ thống câu hỏi trắc nghiệm và các câu chuyện thực tế để kiểm tra việc tiếp thu kiến thức của học sinh.

b. Về bố cục của mỗi module.

Mỗi module trong bộ tài liệu khi viết, nhóm tác giả đều trình bày theo một bố cục chung, cụ thể như sau:

I. Mục đích, yêu cầu.

1. Mục đích.

- Về kiến thức.
- Về thái độ.
- Về hành vi.
- Thực hành kỹ năng.

2. Yêu cầu.

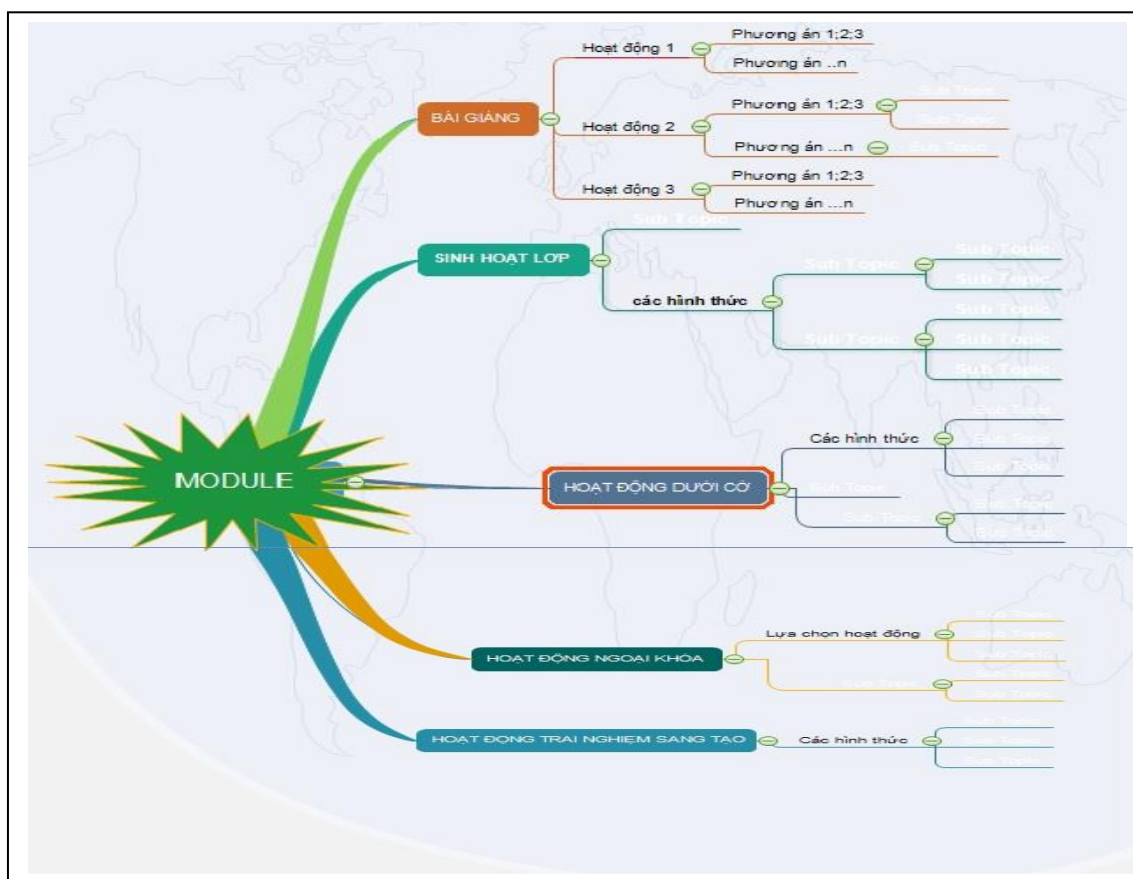
- Đối với nhà trường.
- Đối với giáo viên.
- Đối với học sinh.
- Cơ sở vật chất.

II. Nội dung. (phần kiến thức của module).

III. Cách tổ chức.

1. Bước 1: Đặt vấn đề (Các cách đặt vấn đề).

2. Bước 2: Triển khai nội dung. theo 5 hình thức được sơ đồ hóa như sau:



IV. Phụ lục.

1. Tài liệu tham khảo.
2. Hệ thống câu hỏi trắc nghiệm.
3. Các tình huống, câu chuyện thực tế.
4. Hình ảnh liên quan.

III. Khả năng áp dụng của việc sử dụng bộ tài liệu trong việc giáo dục SKSS VTN cho học sinh THPT.

1. Tổ chức dạy thực nghiệm.

Trong 2 ngày (11 và 12 tháng 3 năm 2016) cố vấn chương trình và cán bộ dự án của Ủy ban Y tế Việt Nam - Hà Lan đã cùng với nhóm tác giả và một số giáo viên trường THPT Phan Đình Giót tiến hành dạy thực nghiệm 6 chủ đề. Các chủ đề lựa chọn để dạy thực nghiệm cũng là các chủ đề mấu chốt, hết sức quan trọng. Gồm:

- Chủ đề 4: Giới và giới tính (cô giáo Đồng Khánh Linh lên lớp).
- Chủ đề 5: Tình bạn và tình yêu tuổi học trò (cô giáo Trần Thị Giang lên lớp).
- Chủ đề Module 7: Bệnh lây truyền qua đường tình dục (cô giáo Nguyễn Thị Hồng Liên lên lớp).
- Chủ đề 8: Tình dục lành mạnh, an toàn (cô giáo Mai Dương Thu lên lớp).
- Chủ đề Module 10: Chăm sóc cơ thể (cô giáo Đoàn Thị Thu Hà lên lớp).
- Chủ đề 11: Tảo hôn và hôn nhân cận huyết (cô giáo Phạm Thùy Linh lên lớp).

Với mục tiêu phấn đấu 90% học sinh tiếp thu được kiến thức sau khi thực hiện xong nội dung.

- Tổng số tiết dạy thực nghiệm là 6 tiết (trong đó có 3 tiết thực hiện theo cách tổ chức **Bài giảng** và 3 tiết theo cách tổ chức **Sinh hoạt lớp**).
- Tổ chức một **Hoạt động ngoại khóa**.
- Tổ chức một **Hoạt động dưới cờ**.

Một số hình ảnh lớp học trong giờ dạy thực nghiệm



Học sinh 10A5 thực hiện hoạt động nhóm trong giờ thực nghiệm



Nhóm tác giả đang dự giờ rút kinh nghiệm



Cô giáo Trần Thị Giang đang kiểm tra kết quả thảo luận của học sinh



Nhóm học sinh đang chơi trò chơi trong bài vệ sinh thân thể



Cô giáo Đồng Khánh Linh đang thực hiện bài giảng tại lớp 11B6



Học sinh lớp 10A8 đang nghe cô giáo Nguyễn Thị Hồng Liên hướng dẫn thảo luận.

2. Đánh giá của tổ chức, cá nhân tham gia dạy thực nghiệm.

a. Đánh giá của Ủy ban Y tế Việt Nam - Hà Lan (Ông Nguyễn Quốc Anh - cán bộ đại diện Ủy ban Y tế Việt Nam - Hà Lan - đơn vị tài trợ dự án; Tiến sĩ Nguyễn Duy Nhiên - Phó Trưởng khoa công tác xã hội trường Đại học sư phạm Hà Nội - cố vấn chương trình).

- Ghi nhận sự nỗ lực, sáng tạo của nhóm tác giả và các giáo viên tham gia dạy thực nghiệm. Có nhiều kỳ vọng ở bộ tài liệu này.
- Cảm nhận chủ quan là học sinh hứng thú với các chủ đề dạy thực nghiệm.
- Đối với từng module: Khi viết nhóm tác giả đã sử dụng phương pháp dạy học tích cực. Giáo viên đã biết trao quyền cho học sinh, phân công công việc nhịp nhàng.
- Khi giảng dạy các module nhạy cảm giáo viên đã đặt mình vào học trò, rút ngắn khoảng cách với trò, không né tránh các thuật ngữ nhạy cảm.

b. Đánh giá của giáo viên dạy thực nghiệm.

- Cách viết nội dung các module dễ hiểu, giáo viên không mất nhiều thì giờ để chuẩn bị bài khi lên lớp, các phương án đưa ra dễ thực hiện, đa dạng, phong phú, tập trung được ý kiến của học sinh, đòi hỏi mọi thành viên được tham gia. Đặc biệt là có phần nội dung kiến thức rất chi tiết.

- Học sinh thích thú với cách tiếp cận mới, tránh tình trạng đọc chép nhàm chán, mọi thành viên đều được tham gia. Giáo viên chỉ đóng vai trò là người trung tâm điều khiển.

c. Kết quả khảo sát học sinh.

Nhóm tác giả đã tiến hành khảo sát 150 học sinh ở các lớp 10A5, 10A8, 11B6 và 12C7 về nội dung các chủ đề dạy thực nghiệm, kết quả thu được như sau:

Chủ đề	Nội dung	Trước khi dạy thực nghiệm (Số trả lời đúng)	Sau khi dạy thực nghiệm (Số trả lời đúng)
Giới và giới tính.	Phân biệt về giới và giới tính	31 = 20,6%	137 = 91,3%
	Em hãy cho biết đặc điểm sinh học và đặc điểm xã hội của giới và giới tính.	25 = 16,6%	114 = 76%
	Giới và giới tính có vai trò gì trong đời sống và xã hội.	27 = 18%	133 = 88,6%
Tình bạn tình yêu.	Các tiêu chí để có tình bạn- tình yêu đẹp và cách giữ gìn tình bạn- tình yêu trong sáng	26 = 17,3%	105 = 70%
Bệnh lây truyền qua đường tình dục.	Các bệnh LTQĐTD lây truyền là gì?	19 = 12,6%	141 = 94%
	Thế nào là tình dục lành mạnh, an toàn?	36 = 24%	146 = 97,3%
	Các biện pháp phòng tránh các bệnh LTQĐTD.	34 = 22,6%	146=97,3%
Tảo hôn và hôn nhân cận huyết.	Hiểu thế nào là tảo hôn và hôn nhân cận huyết.	23 = 15,3%	142=94,6%
	Tác hại và hệ lụy của nạn tảo hôn và tập quán hôn nhân cận huyết.	18 = 12%	140=93,3%
	Kỹ năng tuyên truyền và ứng phó với nạn tảo hôn và hôn nhân cận huyết.	19=12,6	138=92%
Vệ sinh thân thể.	Các kỹ năng giữ gìn vệ sinh cơ thể.	38=25,3	147=98%

IV. Hiệu quả, lợi ích thu được khi sử dụng bộ tài liệu “Giáo dục SKSS VTN cho học sinh THPT”.

- Nội dung các module thiết thực với học sinh THPT, đặc biệt đối với học sinh miền núi.

- Có thể kỳ vọng nhiều vào bộ tài liệu giáo dục SKSS VTN cho học sinh THPT.

- Khi sử dụng bộ tài liệu này theo đúng ý đồ của nhóm tác giả trong việc giáo dục SKSS VTN cho học sinh THPT, sẽ làm thay đổi theo chiều hướng tốt về kiến thức, thái độ và thực hành về quan hệ tình dục và sức khỏe sinh sản cho học sinh

THPT; hạn chế ở mức thấp nhất các rủi ro do thiếu hiểu biết về kiến thức SKSS đối với học sinh THPT đặc biệt là học sinh nữ.

- Theo cách thiết kế các module thì trong điều kiện thuận lợi hay hạn chế về cơ sở vật chất, trang thiết bị các đơn vị trường vẫn có thể thực hiện được (vì có thể lựa chọn 1 trong số 5 hình thức tổ chức) mà vẫn đảm bảo yêu cầu về kiến thức, thái độ, hành vi và kỹ năng thực hành đối với học sinh.

V. Phạm vi ảnh hưởng của bộ tài liệu “Giáo dục SKSS VTN cho học sinh THPT”.

Bộ tài liệu “Giáo dục SKSS cho học sinh THPT” nếu được áp dụng rộng rãi cho đối tượng học sinh các trường THCS và THPT sẽ góp phần:

- Nâng cao kiến thức về SKSS, sức khỏe tình dục.
- Học sinh khu vực miền núi sẽ thay đổi hành vi, hướng tới những hành vi tình dục lành mạnh.
- Học sinh khu vực miền núi sẽ có khả năng tự dự phòng lây nhiễm HIV, các bệnh lây truyền qua đường tình dục, mang thai ngoài ý muốn, nạo phá thai.
- Giáo viên và nhà trường được trang bị kiến thức sức khỏe sinh sản, sức khỏe tình dục.
- Giáo viên và nhà trường được trang bị kỹ năng và phương pháp giảng dạy về vấn đề sức khỏe tình dục, sức khỏe sinh sản.
- Góp phần giảm tỷ lệ tảo hôn, mang thai ngoài ý muốn và nạo phá thai của học sinh miền núi tại Điện Biên.
- Giảm kỳ thị và phân biệt đối xử với người sống chung với HIV tại địa phương. Góp phần giảm tỷ lệ nhiễm mới HIV tại Điện Biên.

VI. Kiến nghị, đề xuất:

Sau khi bộ tài liệu được thẩm định, phê duyệt nhóm tác giả đề nghị với Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Điện Biên cho phép tài liệu được lưu thông đại trà ở các trường trong tỉnh, đặc biệt là trường THPT.

Kỳ vọng bộ tài liệu hướng dẫn này sẽ được bổ sung bằng kinh nghiệm thực tế trong quá trình triển khai tại địa phương. Qua đó phát triển và hoàn thiện hơn nhằm sử dụng cho các trường THPT tại địa phương và các tỉnh miền núi khác.

Khi sử dụng bộ tài liệu, giáo viên cần đưa thêm những tình huống, câu chuyện thực tế tại địa phương để thu hút học sinh trong việc giải quyết những vấn đề sát thực ở địa phương mình.

D. Danh sách đồng tác giả.

Stt	Họ và tên tác giả	Ngày/ tháng/ năm sinh	Nơi công tác	Chức vụ	Trình độ
1	Phạm Văn Cường	14/7/1978	Trường THPT	Hiệu trưởng	Cao học
2	Lê Thị Thu Hà	28/4/1974	Phan Đình Giót Thành	Phó Hiệu trưởng	Đại học

3	Nguyễn Thị Nhung	06/11/1977	phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên.	Bí thư Đoàn thanh niên	Cao học
4	Đồng Khánh Linh	18/10/1975		Giáo viên Sinh học	Đại học
5	Phạm Thùy Linh	15/5/1982		Giáo viên Địa lí	Đại học
6	Nguyễn Thị Hà	20/10/1981		Giáo viên Tiếng Anh	Đại học

Điện Biên, ngày 18 tháng 4 năm 2016.

XÁC NHẬN CỦA HIỆU TRƯỞNG

T.M NHÓM TÁC GIẢ

Phạm Văn Cường

Lê Thị Thu Hà